**TUẦN 5**

Thứ hai ngày 7 tháng 10 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ 2: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**Bài 09. TRƯỚC CỔNG TRỜI (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời, biết nhấn giọng vào

những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

– Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống. Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - Giới thiệu chủ điểm mới. (Ví dụ: Chủ điểm Thế giới tuổi thơ khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng Hành tinh kì lạ đầy thú  vị. Chủ điểm thứ hai có tên Thiên nhiên kì thú, bức tranh minh hoạ chủ điểm đã hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta  - GV tổ chức trò chơi “Trồng hoa trang trí lớp”  + Câu 1: Đọc lại bài Hành tinh kì lạ, tìm chi tiết cho biết lí do con tàu phải hạ cánh xuống hành tinh gần nhất.  + Câu 2: Nêu lại nội dung bài “Hành tinh kì lạ”  + Câu 3: Theo em, vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “cổng trời”?  A cartoon of animals crossing a river  Description automatically generated  - GV dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:  ***Bức tranh minh hoạ đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ đọc bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh***  ***gửi đến cho người đọc*** | - HS lắng nghe  - HS tham gia trò chơi  + Câu 1: Chi tiết con tàu đang vượt qua hành lang lửa trên hành trình thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất.  + Câu 2: Bài đọc kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của hai nhà du hành. Họ lạc vào một hành tinh kì lạ: con người toàn là người máy, máy móc làm việc thay con người, cách tính thời gian khác biệt,... Ở một nơi xa lạ, họ càng thấm thía nỗi nhớ quê nhà - Trái Đất.  + Câu 3: Trong tranh có 2 vách đá ở sát gần nhau như 2 cánh cổng mở ra để nhìn thấy một khoảng trời với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng lên trời hoặc cổng nhà trời.  - HS lắng nghe và ghi tên bài mới | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu: *nhận biết được cách đọc, luyện đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng*  *trời, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao*  - Cách tiến hành: | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc**  - GV đọc mẫu lần 1:  - GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:  + Luyện đọc một số từ khó: *vách đá, ngút ngát, vạt nương, long thung, gặt lúa, nắng chiều,…*  + Một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: Giọng đọc gợi vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”).  + Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao: ngút ngát, ngân nga,…  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành sáu khổ để luyện đọc và tìm ý:  + Khổ 1: “Giữa hai bên vách đá” đến “Cổng trời trên mặt đất?”  + Khổ 2: “Nhìn ra xa ngút ngát” đến “Đàn dê soi đáy suối”.  + Khổ 3: “Giữa ngút ngàn cây trái” đến “Ráng chiều như hơi khói …”  + Khổ 4: “Những vạt nương màu mật” đến “Suốt triền rừng hoang dã”.  + Khổ 5: “Người Tày từ khắp ngả” đến “Đi tìm măng, hái ấm”.  + Khổ 6: “Vạt áo chàm thấp thoáng”  - GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp) | | - HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc thầm theo GV để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  -HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt). |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Theo sự hướng dẫn của GV, HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu, cảm nhận được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng... và những con người yêu lao động, dạt dào sức sống, chan hoà với thiên nhiên tươi đẹp.  - Cách tiến hành: | | |
| **3.1. Tìm hiểu bài.**  **GV hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**  + nguyên sơ: còn nguyên vẹn vẻ tự nhiên như lúc ban đầu.  + vạt nương: mảnh đất dài và hẹp trên đồi núi để trồng trọt.  + triền: dải đất thoai thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.  + áo chàm: một loại trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng, Thái và nhiều dân tộc khác trên vùng núi cao phía Bắc Việt Nam. Áo được nhuộm chàm (cây bụi thuộc họ đậu, lá cho một chất màu lam sẫm, dùng để nhuộm, in, vẽ).  + ráng chiều: hiện tượng ánh sáng mặt trời lúc đang lặn, phản chiếu vào các đám mây, làm cho một khoảng trời sáng rực, nhuộm màu vàng đỏ hay hồng sẫm.  **- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi:  + Câu 1: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?  + Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?  + Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?  + Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?  + Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ  - GV mời HS nêu cảm xúc sau khi đọc bài thơ. | | -Hs lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.  + Giữa những dãy núi trùng điệp, có một khoảng không rộng như thể núi tách ra thành 2 cánh cổng, để lộ khoảng trời rộng mở với những cụm mây lãng đãng, gợi liên tưởng như cổng dẫn lên trời hoặc cổng của nhà trời.  + Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mênh mông, bất tận, những cảnh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vàn sắc màu cỏ hoa, những vạt nương, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mật đọng, khoảng trời bồng bềnh mây trôi, gió thoảng.  + Những người dân miền núi chăm chỉ, yêu lao động, ai cũng đang làm việc miệt mài, hăng say: gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm,... Con người hoà mình với thiên nhiên (Vạt áo chàm thấp thoáng/ Nhuộm xanh cả nắng chiều).  + Cảnh rừng sương giá như ấm lên bởi có hình ảnh con người, ai nấy đều tất bật, hối hả làm việc (người Tày từ khắp các ngả đi gặt lúa, trồng rau; người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm; tiếng xe ngựa vang lên suốt triền rừng hoang dã, những vạt áo chàm nhuộm xanh cả nắng chiều,...  + Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.  - HS nêu cảm xúc |
| **3.2. Luyện đọc lại.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:  \* Làm việc cả lớp:  + GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.  + GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.  \* Bình chọn nhóm đọc hay nhất  - GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp. | | - HS lắng nghe  + HS nối tiếp đoạn.  + Một số HS đọc diễn cảm trước lớp. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có  nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết  học hiệu quả.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.  - HS lắng nghe. | |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**KHOA HỌC**

**BÀI 3. SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Tiến hành được thí nghiệm về sự biến đổi trạng thái của chất.

- Nêu được sự biến đổi trạng thái của đồng khi đúc thành chuông.

- Nêu được một số ví dụ khác về sự biến đổi trạng thái của chất trong tự nhiên.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống; biết cách làm thí nghiệm để nhận thấy sự biến đổi trạng thái của chất.

- Năng lực tự học: HS làm được thí nghiệm đơn giản, tự thực hiện yêu cầu học tập.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện nhiệm vụ học tập, ghi chép và rút ra kết luận.

- HS có sự sáng tạo, niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**

- TV, máy tính, câu hỏi cho buổi phỏng vấn.

**2. HS:**

- Sáp đậu nành (sáp nến), đồ thí nghiệm, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động**  **a) Mục tiêu:**  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  **b) Cách thực hiện:** | |
| - GV cho HS chơi trò chơi: Vòng quay may mắn.  + GV chia lớp thành 3 đội theo 3 dãy học.  + GV chuẩn bị 1 PowerPoint có vòng quay có các điểm số, có hệ thống câu hỏi.  + GV đưa câu hỏi, HS trả lời bằng giơ bảng con: VD: Đá cuội trạng thái của nó là gì?  + Dãy nào có các đáp án đúng nhiều nhất sẽ được quay vòng quay, vòng dừng ở số điểm nào thì đội đó được số điểm tương ứng.  - GV kết luận, giới thiệu bài. | - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe.  - HS đọc câu hỏi trên màn hình, ghi đáp án ra bảng con, giơ bảng.  - HS kiểm tra kết quả, quay vòng quay.  - Tổng kết số điểm.  - Kết luận chung: Các trạng thái của chất: rắn, lỏng, khí. |
| **B. Thực hành, luyện tập**  **a) Mục tiêu:**  - Tiến hành được thí nghiệm về sự biến đổi trạng thái của chất.  - Nêu được sự biến đổi trạng thái của đồng khi đúc thành chuông.  - Nêu được một số ví dụ khác về sự biến đổi trạng thái của chất trong tự nhiên.  - Củng cố kiến thức đã học về sự biến đổi trạng thái của chất.  **b) Cách thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | ***\* Hoạt động 4: Thực hành tìm hiểu sự biến đổi trạng thái của chất***  - GV cho HS báo cáo sự chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm.  - GV hướng dẫn cách sử dụng đèn cồn (nến), cách châm đèn (lưu ý an toàn, tránh bị bỏng).  - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần.  - GV tổ chức HS báo cáo kết quả thí nghiệm, rút ra kết luận. | - HS báo cáo các vật liệu cho thí nghiệm: sáp nến, cốc, đèn cồn (nến), …  - HS lắng nghe  - HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm.  - HS ghi kết quả quan sát sự biến đổi trạng thái của sáp nến.  - Từng nhóm nêu cách tiến hành thí nghiệm, nhóm khác quan sát, phỏng vấn để khắc sâu kiến thức, rút ra kết luận. | | |
| ***\*Mở rộng:***  - Đã có những quá trình nào diễn ra từ sáp để có cốc nến?  - Chỉ ra tác động của yếu tố nhiệt độ ở quá trình làm nến.  - Tại sao lại phải đổ sáp lỏng vào cốc đã có sẵn dây bấc?  - Có những cách nào để làm cho nến đẹp hơn?  - Làm thế nào để nến có màu, có nhiều lớp màu?  - GV yêu cầu HS viết quá trình liên quan tới sự biến đổi được nhắc tới trong câu 1, mục Thảo luận, trang 19 SGK. GV gọi một số HS trả lời và viết lên bảng, từ đó yêu cầu HS chỉ ra các trạng thái của đồng.  ***\* Hoạt động 5: Xác định sự biến đổi trạng thái của một số chất trong tự nhiên và cuộc sống.***  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoàn thành câu 2 (Mục thảo luận – tr 19 – SGK). GV quan sát, hỗ trợ HS.  + GV chụp bài làm của HS chiếu lên màn hình tivi để chia sẻ.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4: Tìm hiểu và viết các bước chủ yếu làm kem.  + GV quan sát, khắc sâu kiến thức. | - Bằng hiểu biết, thí nghiệm và cộng tác HS trả lời:  - HS chia sẻ bằng thức tế thí nghiệm.  - Đun nóng tạo nên nhiệt độ cao, làm nóng chảy sáp và để nguội chính là hạ nhiệt độ làm đông đặc sáp.  - Vì không thể đặt dây bấc vào khi sáp đã đông đặc.  - Trang tri bề mặt nến hoặc thành nến, khắc trên thân nến, ...  - Pha màu vào nến. Cho các lớp nền có màu vào cốc, để nguội thì rót tiếp lớp màu khác.  - Miếng đồng *Đồng trong lò nung*  *Chuông đồng*  - Trạng thái: Rắn Lỏng Rắn  - Nhiệt độ: Thấp Cao Thấp  - Quá trình: Nóng chảy Đông đặc  - HS thực hiện theo yêu cầu, ghi kết quả thảo luận.  - HS chia sẻ bài làm của bạn trên màn hình, phỏng vấn, khắc sâu kiến thức.  - HS hoạt động theo nhóm, viết theo sơ đồ tư duy, trình bày ý kiến trước lớp.  - HS lắng nghe bài chia sẻ nhóm bạn, phỏng vấn khắc sâu kiến thức. |
| **C. Vận dụng, trải nghiệm**  **a) Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, liên hệ kiến thức bài học.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV cho HS chơi trò chơi: “Phỏng vấn ido”  + GV tổ chức cho 1 bạn làm phóng viên, phỏng vấn về trạng thái của một số chất, sự biến đổi trạng thái của chất. (Câu hỏi GV chuẩn bị giúp HS).  + GV quan sát, hỗ trợ HS, khắc sâu kiến thức sau các câu hỏi.  \* GV tổ chức cho HS vận dụng kiến thức để về nhà làm sáp nến (có màu sắc, mùi thơm), sau đó tổ chức buổi triển lãm. | - HS lắng nghe phổ biến cách chơi.  - HS tham gia chơi theo phỏng vấn của phóng viên nhỏ.  - HS cùng khắc sâu kiến thức sau mỗi câu hỏi.    - HS lắng nghe yêu cầu, cùng tạo nhóm cùng làm nến. Chuẩn bị cho buổi triển lãm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

|  |
| --- |
|  |
|  |

**TOÁN**

**Bài 10. KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được viết số tự nhiên thành tổng để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: **Số?** 564m = ... km  + Câu 2: **Số?** 4,6kg = .... g  + Câu 3: **Số?** 132 mm = ...cm  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | | | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 0,564  + Trả lời: 4600  + Trả lời: 13,2  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.  + HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.  - Cách tiến hành: | | | | |
| **-** GV cho HS quan sát phần a, nêu các câu hỏi:  Lý thuyết Khái niệm số thập phân lớp 5 (Kết nối tri thức) hay, chi tiết (ảnh 3)  + Có mấy hình vuông (mỗi hình có 100 ô nhỏ) màu xanh?  + Hình vuông tiếp theo có mấy cột, mấy cột được tô màu cam?  + Hình vuông cuối cùng có bao nhiêu ô vuông nhỏ, mấy ô được tô màu cam?  GV chốt: Số gồm 2 đơn vị, 3 phần mười, 8 phần trăm viết là 2,38; đọc là Hai phẩy ba mươi tám. | | | - HS quan sát phần a và trả lời:  + 2 hình.  + Có 10 cột trong đó 3 cột tô màu cam.  + Có 100 ô vuông nhỏ, trong đó có 8 ô tô màu cam  - HS viết và đọc | |
| **-** GV cho HS quan sát phần b, nghe GV giới thiệu:Lý thuyết Khái niệm số thập phân lớp 5 (Kết nối tri thức) hay, chi tiết (ảnh 3)  - Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 1 phần nghìn viết là 325,431; đọc là: Ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba mươi mốt  - GV cho HS viết vào bảng và đọc.  - GV hướng dẫn: Trong số 325,431 thì phần trước dấu phẩy gọi là phần nguyên phần sau dấu phẩy gọi là phần thập phân; sát bên dấu phẩy gọi là hàng phần mười, kế hàng phần mười là hàng phần trăm, kế hàng phần trăm là hàng phần nghìn.  - GV cho HS nêu lại phần nguyên, phần thập phân, hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn.  - Cho HS nêu cách viết, đọc số thập phân?  - GV nhận xét, chốt quy tắc:  **+ Muốn viết một số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân.**  **+ Muốn đọc một số thập phân, trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy, sau đó đọc phần thập phân.** | | | - HS lắng nghe  - HS viết và đọc  - HS nêu  - 3 HS nhắc lại quy tắc | |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **-** Mục tiêu:  + HS biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.  **-** Cách tiến hành: | | | | |
| **Bài 1. Viết, đọc số thập phân (theo mẫu).**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số thập phân gồm | Viết số | Đọc số | | 3 chục, 5 đơn vị, 6 phần mười, 2 phần trăm, 4 phần nghìn | 35,624 | Ba mươi lăm phẩy sáu trăm hai mươi tư | | 116 đơn vị, 7 phần mười, 5 phần nghìn | ? | ? | | 0 đơn vị, 7 phần mười, 3 phần trăm | ? | ? | | 26 đơn vị và 408 phần nghìn | ? | ? |   - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..  - HS làm việc cá nhân   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số thập phân gồm | Viết số | Đọc số | | 3 chục, 5 đơn vị, 6 phần mười, 2 phần trăm, 4 phần nghìn | 35,624 | Ba mươi lăm phẩy sáu trăm hai mươi tư | | 116 đơn vị, 7 phần mười, 1 phần trăm, 5 phần nghìn | 116,715 | Một trăm mười sáu phẩy bảy trăm mười lăm | | 0 đơn vị, 7 phần mười, 3 phần trăm | 0,73 | Không phẩy bảy mươi ba | | 26 đơn vị và 408 phần nghìn | 26,408 | Hai mươi sáu phẩy bốn trăm linh tám |   - HS báo cáo kết quả.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) | | | |
| **Bài 2.**  a) Nêu phần nguyên và phần thập phân của mỗi số thập phân rồi đọc số thập phân: 327,106; 49,251; 9,362.  b) Đọc các số thập phân 4,05; 12,004; 8,03; 25,009 (theo mẫu)  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 10  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV cùng HS tóm tắt bài toán.  - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.  - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi  - HS làm bài tập cá nhân vào vở.  a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | Phần nguyên | Phần thập phân | Đọc số | | 327,106 | 327 | 106 | Ba trăm hai mươi bảy phẩy một trăm linh sáu | | 49,251 | 49 | 251 | Bốn mươi chín phẩy hai trăm năm mươi mốt | | 9,362 | 9 | 362 | Chín phẩy ba trăm sáu mươi hai |   b) 4,05 đọc là: Bốn phẩy không năm  12,004 đọc là: Mười hai phẩy không không bốn  8,03 đọc là: Tám phẩy không ba  25,009 đọc là: Hai mươi lăm phẩy không không chín  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | | | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | | |
| **-** GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.  Chọn số thập phân thích hợp với mỗi phân số thập phân (theo mẫu).  Toán lớp 5 trang 36 Bài 3  - Cách chơi: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 4 HS. GV hô bắt đầu thì HS trong nhóm chạy lên bảng nối. Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất là đội chiến thắng. Thời gian chơi tư 2-3 phút.  - GV tổ chức trò chơi.  - Đánh giá tổng kết trò chơi.  - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. | | - HS lắng nghe trò chơi.  - Các nhóm lắng nghe luật chơi.  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 10  - Các nhóm tham gia chơi.  - Các nhóm rút kinh nghiệm. | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ ba ngày 8 tháng 10 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 2. LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng vận từ đồng nghĩa vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt

động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh minh họa bài đọc.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

* SGK Tiếng Việt 5 kết nối tri thức.
* Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS từng bước làm quen với bài học.  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức trò chơi “Hái hoa” để khởi động bài học  **1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:**  Giêng, Hai rét cứa như dao,  Nghe tiếng chào mào chống gậy ra trông  Nom Đoài rồi lại ngắm Đông  Bề lo sương táp, bề phòng chim ăn.  -GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  **2. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những đoạn văn sau:**  Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.  **3. Tìm các từ có nghĩa giống nhau trong những câu thơ sau:**  Con tàu như mũi tên  Đang lao về phía trước  Em muốn con tàu này  Đưa em đi khắp nước  Ơi Tổ quốc! Tổ quốc!  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới.  **2. Khám phá**  **Hoạt động 1: Hình thành khái niệm về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - Nắm được khái niệm vè từ đồng nghĩa.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu của PHT dưới đây:    *Bài 1: Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi*  *Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng:* ***khuân*** *đất,**nhặt lá khô,* ***tha*** *mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khỏe và hăng say. Kiến* ***vác****, kiến lôi, kiến dẩy, kiến* ***nhấc*** *bồng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rối lại vội vàng, tíu tít …*  *(Theo Nguyễn Kiên)*  *Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi* ***ban mai****. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hòa vào khúc tấu. Từ* ***sáng sớm****, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.*  *(Theo Hữu Vi)*  *a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau?*  *b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.*  *Bài 2: Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau*  *a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó*  *b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia*  *c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh*  + GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ bằng kĩ thuật *Mảnh ghép:*   * *1/2 lớp sẽ làm BT1* * *1/2 lớp sẽ làm BT2*   + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *Bài 1:*  *Đoạn thứ nhất có các từ có nghĩa gần giống nhau: khuân, tha, vác, nhấc.*  *→ 4 từ đều nói về hành động tác động vào một vật nặng (thường là mang/ chuyển) và làm cho vật đó thay đổi vị trí.*  *Nét nghĩa khác nhau: cách thức tác động và làm cho vật đó thay đổi vị trí.*   * *Khuân: khiêng vác đồ vật nặng;* * *Tha: mang đi bằng cách ngậm chặt ở miệng hoặc mỏ;* * *Vác: mang vật nặng bằng cách đặt lên vai;* * *Nhấc: nâng lên, đưa lên cao hơn.*   *Đoạn thứ hai có các từ có nghĩa giống nhau: ban mai, sáng sớm.*  *→ 2 từ này đều nói về thời điểm bắt đầu buổi sáng, khi mặt trời sắp nhô lên khỏi đường chân trời.*  *Bài 2:*  *a. sắt đá*  *b. núi non*  *c. bình tĩnh*  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình cho HS:   * *Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,…) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,…)* * *Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.*   - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS:  **Hoạt động 2: Thực hành kiến thức về từ đồng nghĩa**  **a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:**  - HS vận dụng được làm các bài tập, câu hỏi có liên quan.  **b. Tổ chức thực hiện**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu BT3: *Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?*  *a. Chân yếu tay mềm.*  *b. Thức khuya dậy sớm.*  *c. Đầu voi đuôi chuột.*  *d. Một nắng hai sương.*  *e. Ngăn sông cấm chợ.*  *g. Thay hình đổi dạng.*  + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *c. Ngăn sông cấm chợ; các từ đồng nghĩa là: ngăn và cấm.*  *g. Thay hình đổi dạng; các từ đồng nghĩa là: thay và đổi, hình và dạng.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu BT4: *Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.*  *Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.*  *(Theo Vũ Hùng)*  + GV tổ chức hoạt động nhóm đôi cho HS thực hiện nhiệm vụ trên.  + GV mời 1 – 2 HS đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả, các HS khác nhận xét và phát biểu ý kiến. | - HS tham gia chơi  + Đáp án: Trông - nom  - Đáp án: Đất nước – nước nhà  - Đáp án: Nước – Tổ quốc  - HS ghi bài mới.  - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.    - HS theo dõi, xem trên màn hình.  - HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến, các HS khác chú ý và nhận xét.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố kiến thức về: Từ đồng nghĩa  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV yêu cầu hs tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong bài ca dao dưới đây:  Lên rừng bắt tép kho cà  Xuống sông hái **quả** thanh trà về ăn  Lên rừng bắt con cá măng  Xuống sông đánh **hổ**, đánh trăn **mang** về...  (Ca dao)  - Nhận xét về tinh thần, thái độ học tập của HS. | - HS làm việc theo nhóm  + Từ đồng nghĩa với quả: trái  + Từ đồng nghĩa với hổ: cọp, hùm,…  + Từ đồng nghĩa với mang: đem  - Hs lắng nghe |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

............................................................................................................................................

……………………………………………………………………………………………

**ĐẠO ĐỨC**

**Bài 2. EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xử lý được tình huống liên quan đến tôn trọng sự khác biệt.

- Thể hiện được lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

**2. Năng lực chung.**

- Góp phần hình thành, phát triển năng lực điều chỉnh hành vi: nhận thức chuẩn mực hành vi, đánh giá hành vi của bản thân và tự điều chỉnh hành vi của mình.

**3. Phẩm chất.**

- Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước, nhân ái, trách nhiệm

\*Tích hợp GDCM đạo đức lối sống:

- GD HS phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người qua lời nói, thái độ; lên án các hành vi phân biệt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:** TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT

**2. HS:** SGK Đạo đức, LSĐP

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:** |  |
| - Phổ biến cách chơi: Nghe câu hỏi của GV và hoạt động thành các nhóm theo từng câu hỏi:  + Ai cùng giới tính với con?  + Ai có mái tóc giống con?  + Ai có số thành viên trong gia đình giống con?  + Ai có quyền được tôn trọng sự khác biệt như con?  - Con rút ra được điều gì sau trò chơi vừa rồi?  - Theo các con nên đối xử với người có đặc điểm khác với mình như thế nào? | - HS tham gia trò chơi “ Tương đồng và khác biệt”.  - Di chuyển tạo thành các vòng tròn.  - HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân sau trò chơi: Các nhóm thay đổi sau mỗi câu hỏi.  - Mọi người có nhiều điểm chung nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt. |
| **B. Luyện tập:**  **a) Mục tiêu:**  - Xử lý được tình huống liên quan đến tôn trọng sự khác biệt.  **b) Cách thực hiện:** | |
| **HĐ1.** **Đóng vai xử lý tình huống**  - Chia nhóm 4, yêu cầu thảo luận theo tranh trang 2 tình huống. 2 nhóm thảo luận tình huống 1, 2 nhóm thảo luận tình huống 2.  a. TH1: Lớp 5A được giao nhiệm vụ chuẩn bị các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Linh không đồng ý nhận Bình vào nhóm mình vì cho rằng Bình chậm chạm, sẽ làm ảnh hưởng đến nhóm.  - Nếu là thành viên nhóm, em sẽ làm gì?  b. TH2: Hôm nay, cô giáo cho các bạn chia sẻ về ước mơ của mình trong tương lai. Lần lượt các bạn đều muốn trở thành bác sĩ, giáo viên,…Đến lượt mình, Toàn vui vẻ nói “ Em ước mơ trở thành đầu bếp nổi tiếng ạ!”. Nghe thế, Thịnh và một số bạn bật cười, vì cho rằng việc nấu ăn thường chỉ dành cho phụ nữ.  - Nếu chứng kiến việc làm của Thịnh và các bạn, em sẽ làm gì?  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm diễn tốt. Rút ra bài học qua các tình huống đã đóng vai xử lý. | - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm.  - HS phân vai, xử lý tình huống. Nhóm lên thể hiện vai đóng.  - HS trình bày vai diễn, có thể thêm lời thoại để vở diễn hay hơn, chia sẻ với lớp.  - Dự kiến cách xử lý: Nếu là thành viên của nhóm, em không đồng ý với ý kiến của Linh, em sẽ khuyên Linh và các bạn vẫn để Bình tham gia nhóm. Vì mỗi một thành viên sẽ được phân các nhiệm vụ khác nhau. Bình tuy chậm hơn các bạn, nhưng có thể hỗ trợ nhóm trong các hoạt động khác như nghĩ ý tưởng cho tiết mục, biên đạo, chỉnh sửa động tác múa hoặc làm các công tác chuẩn bị.  - HS trình bày vai diễn, có thể thêm lời thoại để vở diễn hay hơn, chia sẻ với lớp.  - Dự kiến cách xử lý: Nếu chứng kiến việc làm của Thịnh và các bạn, em sẽ nói với các bạn rang: Các bạn không nên cười Toàn, mỗi người có ước mơ, sở thích và khả năng riêng. Không có nghề nào được quy định chỉ dành riêng cho nữ giới hoặc chỉ dành riêng cho nam giới. Không có nghề nào là cao quý hay thấp kém vi mỗi ngành nghề đều có những cồng hiển riêng cho xã hội. Quan trọng là Toàn dám ước mơ và có ý chí phấn đấu để đạt được ước mơ, thành công với ước mơ đó. Đây là điều hết sức tốt đẹp, rất đáng trân trọng. |
| **C. Vận dụng:**  **a. Mục tiêu:**  - Thể hiện được lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.  **b. Cách tiến hành:** | |
| - Nhắc lại bài học rút ra được cho bản thân sau khi các nhóm đóng vai xử lý tình huống?  - Em biết thêm tình huống nào cần thể hiện sự tôn trọng người khác?  - GV nhận xét, kết luận.  \*Tích hợp GDCM đạo đức lối sống:  - GV giúp HS phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người qua lời nói, thái độ; lên án các hành vi phân biệt.  - Dặn dò chuẩn bị cho tiết học sau. | - Phải luôn tôn trọng người khác, tôn trọng các điểm khác biệt của người khác, sống chan hòa, đoàn kết, ….  - HS có thể nêu thêm 2 tình huống còn lại trong SGK và hướng xử lý, lớp chia sẻ.  - HS chú ý lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

............................................................................................................................................

......................................................................................................................................

**BUỔI CHIỀU**

**TOÁN**

**Bài 10. KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được viết số tự nhiên thành tổng để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đố nhau” để khởi động bài học.  Luật chơi: Một HS nêu một số thập phân sau đó được chọn một HS khác nêu phần nguyên, phần thập phân, các hàng trong số thập phân. Sau đó bạn lai nêu một số thập phân khác và chọn một HS để trả lời. Làm tương tự trong thời gian 3 phút  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động thực hành**  **-** Mục tiêu:  + HS biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân, vận dụng được việc hàng của số thập phân; đọc, viết để giải quyết một số tình huống thực tế.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1. Chọn số thập phân thích hợp với cách đọc số thập phân đó.**  Toán lớp 5 trang 37 Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nối cho chính xác  - GV mời HS trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | https://i.vdoc.vn/data/image/2024/05/24/giai-toan-lop-5-trang-37-tap-1-1.png  - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nối cho chính xác  - HS trình bày. |
| **Bài 2. Số?**  Toán lớp 5 trang 37 Bài 2  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV hướng dẫn HS: Nhân cả tử số và mẫu số của phân số đã cho với cùng một số tự tự nhiên để được phân số có mẫu số là 100; 1000; ...  - GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời.  - Yêu cầu HS nêu cách làm.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 10: Khái niệm số thập phân (trang 32) | Giải Toán lớp 5  - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Đại diện các nhóm trả lời.  =  =  =  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). |
| **Bài 3. Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó.**    **Hướng dẫn giải:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - GV mời HS trả lời.  - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - HS trình bày.  ; đọc là: Bốn phẩy tám  ; đọc là: Một phẩy hai mươi lăm  ; đọc là: Không phẩy không trăm ba mươi chín  - HS nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, sửa sai (nếu có) |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 4. Rô-bốt lập số 863 749 bằng các tấm thẻ như hình dưới đây:**  Từ bốn thẻ Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 10: Khái niệm số thập phân (trang 32) | Giải Toán lớp 5 hãy lập tất cả các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số.  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 10: Khái niệm số thập phân (trang 32) | Giải Toán lớp 5  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời cả lớp suy nghĩ và thảo luận theo nhóm 4.  - GV mời đại diện nhóm trả lời.  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò bài về nhà. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Lớp làm việc nhóm 4  - Đại diện nhóm trả lời:  + Từ bốn thẻ trên ta có các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số là: 0,27; 0,72; 2,07 ; 2,70 ; 7,02 ; 7,20  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**BÀI 3: BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (đội Hoàng Sa, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa).

- Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam.

**2. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

*- Giao tiếp và hợp tác:* hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

\* Tích hợp GDQPAN :

- Làm rõ tầm quan trọng của vùng biển nước ta trong phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh qua câu chuyện sưu tầm được.

\* Tích hợp GDTKVBVNN :

- Thu thập được một số thông tin, bằng chứng cho thấy con người có những tác động tiêu cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Thực hiện được một số việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

**3. Phẩm chất:**

* *Yêu nước:* Tự hào về lịch sử quê hương, đất nước.
* *Trách nhiệm:* Nâng cao ý thức cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp ở Biển Đông và tuyên truyền để mọi người cùng thực hiện.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

* Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc lược đồ hình 1 trang 11 SGK phóng to.
* Một số hình ảnh minh hoạ về biển đảo Việt Nam.
* Phiếu học tập.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có điều kiện).

**2. Học sinh**

* SHS Lịch sử và Địa lí 5 Cánh diều.
* Thông tin, tài liệu, tranh ảnh về làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **C. Luyện tập:**  **a. Mục tiêu**: Giúp HS hệ thống lại kiến thức và luyện tập.  **b. Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Trò chơi “Tiếp sức”***  - GV yêu cầu HS chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm 5 HS, HS còn lại quan sát, cổ vũ.  - GV quy định thành viên mỗi nhóm sẽ lần lượt viết tên đảo, quần đảo của Việt Nam lên bảng. Mỗi HS mỗi lần chỉ viết một tên đảo hoặc quần đảo, sau đó thành viên khác lên. Nhóm nào viết được nhiều tên đảo, quần đảo sẽ chiến thắng.  - GV ghi nhận đáp án hợp lí:   |  |  | | --- | --- | | ***Tên một số quần đảo*** | *Hoàng Sa, Trường Sa, Thổ Chu, Nam Du, Côn Sơn, Cô Tô...* | | ***Tên một số đảo.*** | *Phú Quốc, Cái Bầu, Cát Bà, Phú Qúy, Lý Sơn...* |   ***Nhiệm vụ 2: Đọc thơ hoặc kể chuyện về biển đảo.***  - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi lựa chọn bài thơ hoặc câu chuyện về biển, đảo Việt Nam mà em sưu tầm được.  - GV mời đại diện các cặp lên đọc thơ hoặc kể câu chuyện về biển, đảo Việt Nam. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, tổng kết:  *+ Một số bài thơ về biển, đảo Việt Nam:*   * *Lời sóng 4 (trích Trường ca Biển – Hữu Thỉnh).* * *Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận.* * *Biển – Hoàng Trung Thông.* * *Hoàng Sa – Nguyên Hòa...*   *+ Một số câu chuyện về biển, đảo Việt Nam:*   * *Bác Hồ với biển đảo Việt Nam.* * *Kể chuyện Hoàng Sa – Lê Văn Chương.*   - GV yêu cầu HS nêu ý nghĩa câu chuyện hoặc bài thơ.  **D. Vận dụng, trải nghiệm:**  **a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện tìm hiểu và mở rộng kiến thức.  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: *Tìm hiểu và giới thiệu một hoạt động của quân và dân Việt Nam góp phần thực thi và bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông. Nêu suy nghĩ của em về việc làm đó.*  - GV gợi ý cho HS tìm hiểu:  *+ Nâng cao ý thức về việc bảo vệ chủ quyền trên biển đảo.*  *+ Đẩy mạnh công tác huấn luyện về quân sự phù hợp với yêu cầu chiến đấu trên biển, từng bước nâng cao chất lượng huấn luyện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra...*  GV mời đại diện 2 – 3 HS trao đổi với GV và các HS khác về bài tập của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *“Đố vui”.*  - GV đọc từng câu hỏi và HS giơ tay để phát biểu. GV công bố đáp án sau khi HS trả lời.  **Câu 1:** Địa danh nào nước ta được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới?  A. Vịnh Lan Hạ. B. Vịnh Hạ Long.  C. Vịnh Vĩnh Hy. D. Vịnh Nha Trang.  **Câu 2:** Đội Hoàng Sa được lập vào thời gian nào?  A. Thế kỉ XVII. B. Thế kỉ XV.  C. Thế kỉ V. D. Thế kỉ XII.  **Câu 3:** Những thành viên đội Hoàng Sa đến từ đâu?  A. Quảng Bình. B. Quảng Nam.  C. Quảng Ngãi. D. Quảng Trị.  **Câu 4:** Để tưởng nhớ công ơn của đội Hoàng Sa, người dân đã tổ chức lễ gì?  A. Nghinh ông. B. Tịch điền.  C. Lồng Tồng. D. Khao lề thế lính.  **Câu 5:** Việt Nam tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm nào?  A. 1982. B. 1983 C. 1992 D. 1993  - GV công bố đáp án ngay sau khi HS nêu đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | | B | A | C | D | A |   \* Tích hợp GDQPAN :  - GV yêu cầu HS nêu được tầm quan trọng của vùng biển nước ta trong phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh qua câu chuyện sưu tầm được.  \* Tích hợp GDTKVBVNN :  - Cho HS thu thập được một số thông tin, bằng chứng cho thấy con người có những tác động tiêu cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  **\* Củng cố:**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ  học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* Dặn dò:**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Biển đảo Việt Nam.*  + Có ý thức chăm chỉ, tìm tòi, học hỏi những phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.  + Đọc trước *Bài 4 – Dân cư và dân tộc ở Việt Nam* (SGK tr.20). | - HS tích cực tham gia trò chơi.  - HS làm việc nhóm đôi.  - Đại diện một số nhóm lên trình bày trước lớp.  - HS làm việc theo cặp đôi.  - Đại diện một số nhóm lên trình bày.  - HS tích cực tham gia Trò chơi.  - Chọn B  - Chọn A  - Chọn C  - Chọn D  - Chọn A  -HS nêu câu chuyện đã sưu tầm.  - HS nêu được tầm quan trọng của vùng biển nước ta trong phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh qua câu chuyện sưu tầm được.  - HS thu thập thông tin  - Thực hiện được một số việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 3: VIẾT**

**TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng viết bài văn tả phong cảnh

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài biết yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học hãy: Nêu các kiểu bài văn miêu tả đã học.  - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm:  + Lớp 2: Viết được 4 – 5 câu tả 1 đồ vật.  + Lớp 3: Viết được đoạn văn ngắn tả đồ vật.  + Lớp 4: Viết được bài văn tả con vật, tả cây cối.  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS trình bày kết quả.  - HS chú ý lắng nghe. |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  + Nhận diện được bài văn tả phong cảnh.  + Xác định được cấu tạo của một bài văn tả phong cảnh.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: *Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:*  *Đà Lạt*  *Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.*  *Nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển, Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm. Đây là nơi nghỉ mát lí tưởng của du khách chẳng những vì không khí mát lành mà còn bởi những cảnh đẹp đến nao lòng.*  *Thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. Suối Vàng có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào. Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.*  *Trong nắng ấm, bầu trời Đà Lạt không chút gợn mây, luôn thắm xanh một màu ngọc bích. Cái màu xanh của tầng không càng thêm lung linh biến ảo khi phản chiều xuống những mặt hồ trong suốt như pha lê.*  *Cảnh sắc thiên nhiên của Đà Lạt vốn dĩ đã đẹp, lại được con người ra công tô điểm. Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ. Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.*  *Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh".*  *(Theo Ay Dun và Lê Tấn)*  *Từ ngữ:*  *Bồng lai tiên cảnh: nơi có cảnh đẹp và cuộc sống hạnh phúc như thế giới thần tiên.*  *a.Bài văn trên tả gì?*  *b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.*  *c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.*    *d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?*  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  + Bài văn tả đặc điểm cảnh vật thiên nhiên của thành phố Đà Lạt.   |  |  | | --- | --- | | ***Mở bài:*** *Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.* | *Mở bài chỉ có 1 câu nhưng giới thiệu được một cách khái quát những cảnh sắc tiêu biểu và đặc điểm nổi bật:*   * *Thành phố ngàn hoa* * *Nổi tiếng về hồ trong xanh, thông mơ màng.* | | ***Thân bài:*** *Gồm có 4 đoạn văn.* | *- Đoạn 1: Tả bao quát đặc điểm của Đà Lạt (độ cao, khí hậu, cảnh vật đẹp).*  *- Đoạn 2: Tả thác Cam Ly, suối Vàng, rừng thông của Đà Lạt.*  *- Đoạn 3: Tả bầu trời và những hồ nước ở Đà Lạt.*  *- Đoạn 4: Tả những vườn hoa và vườn rau của Đà Lạt.* | | ***Kết bài:*** *Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn “bồng lai tiên cảnh”.* | *Kết bài chỉ có 1 câu ngắn gọn, cô đọng nhưng nói lên được cảm nhận, lời ca ngợi đầy ấn tượng về phong cảnh của Đà Lạt.* |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Phong cảnh Đà Lạt*** | | | | | ***Vẻ đẹp do thiên nhiên ưu đãi*** | *Vị trí địa lí* | *Đà Lạt nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.* | | | *Khí hậu* | *Đà Lạt mát mẻ quanh năm, không khí mát lành, là nơi nghỉ mát lí tưởng.* | | | *Cảnh vật* | *- Thác nước: như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hung vĩ và nên thơ.*  *- Dòng suối (suối Vàng): có cột nước quanh năm suốt tháng đổ ào ào, chia nước cho những con suối nhỏ rì rào…*  *- Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.*  *- Bầu trời: không chút gợn mây trong nắng ấm, luôn thẳm xanh một màu ngọc bích; màu trời xanh phản chiếu xuống những mặt hồ …*  *- Những hồ nước: trong suốt như pha lê.* | | | ***Vẻ đẹp do con người tạo nên*** | *Vườn hoa* | *Những hoa muôn hồng ngàn tía* | *Như khoác cho thành phố Đà Lạt xinh đẹp một chiếc* | | *Vườn rau* | *Những vườn rau xanh tươi* | | *Hương hoa lá* | *Hương hoa hòa với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng* | |   + Trong bài văn, tình cảm của tác giả đối với cảnh vật được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét: cảnh đẹp đến nao long, là nơi nghỉ mát lí tưởng, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ, thành phố xinh đẹp, dễ chịu vô cùng,… |
| **3. Luyện tập**  - Mục tiêu:  + Từ việc tìm hiểu bài văn tả cảnh Đà Lạt và những trải nghiệm viết đoạn  văn, bài văn miêu tả, nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức hoạt động cho HS xác định yêu cầu nhiệm vụ: *Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh*    - GV chia nhóm cho HS thảo luận theo nhóm bốn người.  - GV mời đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét. GV tuyên dương những nhóm làm việc nghiêm túc, đạt hiệu quả; nhắc nhở những nhóm làm việc chưa có hiệu quả.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình:  *Bài văn tả phong cảnh thường gồm 3 phần:*   * *Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.* * *Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.* * *Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.*   - GV yêu cầu HS nhắc lại phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ  - HS lắng nghe hướng dẫn của GV.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lên màn hình.  - HS đọc kĩ phần ghi nhớ  - HS lắng nghe và tiếp thu. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc và yêu cầu:  *1/ Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh song suối, ao hồ, biển đảo,…)*  *2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.*  + GV tổ chức cho HS trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lắng nghe. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

Thứ tư ngày 9 tháng 10 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 10. KÌ DIỆU RỪNG XANH (Tiết 1 - 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Kì diệu rừng xanh*. Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.
* Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản *Kì diệu rừng xanh.* Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,… góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, biết tóm tắt và hiểu được điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện.

**2. Năng lực chung:**

* *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

* Biết bảo vệ môi trường sống làm đẹp môi trường xung quanh chúng ta.
* Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SGK, SGV Tiếng Việt 5.
* Tranh ảnh minh họa bài đọc.
* Tranh, ảnh, bài thơ, bài văn,…về thiên nhiên, cuộc sống.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành:  - GV cho HS xem 1 video bài hát “Ta đi vào rừng xanh”  - GV yêu HS làm việc theo nhóm đôi và thảo luận: ***Theo em chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của chúng ta?***  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS: *Chúng ta cần phải tích cực trồng cây, không vứt rác bừa bãi, lên án các hành động chặt phá rừng hủy hoại môi trường...*  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK tr.51, dẫn dắt và giới thiệu bài đọc:  ***Bài Kì diệu rừng xanh tiếp tục nói về thế giới thiên nhiên kì thú: đó là cảnh rừng xanh với những cảnh sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Các em hãy quan sát tranh***  ***minh hoạ và đọc bài để cảm nhận vẻ đẹp của rừng.***  **2. Khám phá.**  - Mục tiêu: HS nhận biết cách đọc và được luyện đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.  - Cách tiến hành:  **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc**  - GV đọc mẫu lần 1:  - GV HD đọc: Giọng đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.  - GV chia đoạn: 3 đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu đến “lúp xúp dưới chân”.  + Đoạn 2: Tiếp đến “đưa mắt nhìn theo”.  + Đoạn 3: Còn lại.  – GV hướng dẫn đọc:  + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, Ví dụ*: loanh quanh, nấm dại, lúp xúp, lâu đài, ánh nắng,...*  + Đọc diễn cảm, ngắt nghỉ phù hợp, Ví dụ:  Tôi có cảm giác/ mình là một người **khổng lồ**/ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những **người tí hon**.  Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền **nhanh như tia chớp**. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp **vút qua** không kịp đưa mắt nhìn theo.  + ...  – GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.  **2.2. Đọc hiểu**  - Mục tiêu:  + HS biết cách trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời văn để cảm nhận được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.  + Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng  - Cách tiến hành:  **Hướng dẫn tìm hiểu nghĩa của từ ngữ:**  - GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển để hiểu nghĩa của từ ngữ trong bài.  Ví dụ:  + Rừng khộp: còn gọi là rừng thưa với những cây lá rộng, rụng lá vào mùa khô.  + Mang (hoẵng): loài thú cùng họ với hươu, nai, sừng nhỏ, có hai nhánh; lông màu vàng đỏ.  **- Hướng dẫn trả lời các câu hỏi đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Vì sao nhân vật “tôi” có cảm giác đi lạc vào kinh độ của vương quốc những người tí hon?  + Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả như thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?  + Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là “giang sơn vàng rợi”?  Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV nhận xét và chốt: ***Bài đọc cho thấy sự kì diệu của rừng xanh, ở nơi đó có những sự vật rất sinh động. Qua đó, ta thấy được tình yêu dành cho thiên nhiên của tác giả.***  **2.3. Luyện đọc lại.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:  + *Đọc diễn cảm một số câu văn miêu tả cảnh đẹp núi rừng và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả.*  \* Làm việc cả lớp:  + GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.  + GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.  \* Bình chọn nhóm đọc hay nhất  - GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp.  **3. Luyện tập**  - Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài  - Cách tiến hành:  - GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu BT1, 2:  *Bài 1: Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Về thực vật* | *Về động vật* | *Về hiện tượng tự nhiên* |   *Bài 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Gọn ghẽ* | *Tí hon* | *Thưa thớt* |   + GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm đôi.  + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm HS lắng nghe và nhận xét.  + GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:  *Bài 1:*  *Về thực vật: vạt nấm dại, rừng khộp (rừng thưa lá rộng), vạt cỏ xanh.*  *Về động vật: những con vượn bạc má, những con chồn sóc.*  *Về hiện tượng tự nhiên: nắng*  *Bài 2:*  *Gọn ghẽ: gọn gàng, gọn. VD: Em dọn nhà gọn gàng, ngắn nắp.*  *Tí hon: tí xíu, bé xíu,…VD: Những chú kiến nhỏ tí xíu tha hạt vừng về tổ.*  *Thưa thớt: lưa thưa, lơ thơ. VD: Sau trận lũ, vườn chỉ còn vài gốc cây lưa thưa.*  **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành:  - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có  nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết  học hiệu quả.  - Dặn dò bài về nhà. | - Hs lắng nghe bài hát  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS trình bày ý kiến trước lớp, các HS khác lắng nghe.  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS quan sát tranh minh họa, lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - HS quan sát  - HS đọc từ khó.  - HS diễn cảm  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe GV giải thích để hiểu nghĩa của từ ngữ. Có thể tra từ điển.  + Nhân vật tôi bị cuốn hút bởi những cây nấm trong rừng, những cây nấm to khác thường (bằng cái ấm tích). Những vạt nấm dại đủ màu sắc rực rỡ, hình dáng của những cây nấm trông như những đền đài, miếu mạo, lâu đài, cung điện... của người tí hon. Nhân vật tôi bỗng dưng trở thành “người khổng lồ” ở vương quốc ấy.  + Muông thú trong rừng được miêu tả: Những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Mấy con mang vàng hệt như màu lá đang ăn cỏ non.  ***=> Muông thú thoắt ẩn, thoắt hiện làm cho cảnh rừng thêm sống động, bất ngờ, bí ẩn.***  - Nơi đây được gọi là “giang sơn vàng rợi” vì có sự cộng hưởng (kết hợp, tụ hội) của nhiều sắc vàng trong một không gian rộng lớn: lá vàng trên cây, lá vàng rụng dưới gốc, những con mang có bộ lông vàng nâu quyện hoà với ánh nắng vàng,...    - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  -HS lắng nghe  - HS lắng nghe  + HS nối tiếp đoạn.  + Một số HS đọc diễn cảm trước lớp.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS trình bày kết quả.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 3: VIẾT**

**TÌM HIỂU CÁCH IẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh (tả cảnh vật theo trình tự thời gian hoặc theo những thời điểm khác nhau), viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh đã được đọc

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu bài văn tả phong cảnh, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe ý kiến của bạn nêu để xem xét và thống nhất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức bài văn tả phong cảnh.  - GV nhắc lại kiến thức cũ và giới thiệu bài học mới:  + Nhắc lại kiến thức bài cũ:  *Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:*  *Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.*  *Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.*  *Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.*  + GV giới thiệu bài học mới: Ở tiết học trước, chúng ta đã đi tìm cấu tạo của bài văn tả phong cảnh. Trong tiết học này, HS sẽ tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh bằng một cách khác. | - HS phát biểu ý kiến.  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| **2. Hoạt động.**  - Mục tiêu:  + Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục 3 phần và các nội dung của mỗi phần khi tả cảnh theo thời gian.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT1: *Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi:*  ***Bốn mùa trong ánh nước***  *Hồ Hoàn Kiếm là nơi quen thuộc với rất nhiều người. Cảnh đẹp lộng lẫy từ ngọn cỏ, hàng cây cho tới nước hồ trong xanh gợn sóng.*  *Mùa hè, sau những cơn mưa rào, nước hồ đầy lên, màu nước như bớt xanh hơn. Trong dông gió, hồ nổi sóng. Nhưng dông gió đến đâu thì mặt hồ vẫn chỉ lăn tăn sóng gợn, trầm mặc giữa thinh không, soi bóng những áng máy nổi rồi lại tan.*  *Về mùa đông, nước hồ cạn di, sâu xuống, chân cầu Thê Húc bỗng cao hơn, lênh khênh. Trong cái lạnh bao trùm phố phường Hà Nội, nước hồ lặng trong sương, một màn sương trong nhẹ và mỏng như khăn voan. Hồ hiện ra vẻ cổ kính với những cành khô lá vàng in bóng xuống mặt nước lặng thinh.*  *Có lẽ tưng bừng nhất là vào dịp tết Nguyên dán, hồ được trang điểm lộng lẫy bởi đèn đủ màu, cờ bay phất phới và hoa rực rỡ. Trong mưa bay, người người đi trẩy hội. Ngàn vạn tiếng rao, tiếng mời chào của người bán hàng rong cất lên như chim hót mùa xuân.*  *Nhưng hồ Hoàn Kiếm đẹp hơn cả là về mùa thu. Mùa thu Hà Nội dường như không có gió lớn, đủ để nước hồ lắng sâu. Ánh nắng mùa thu lại tươi nên mặt hồ ngời lên như ánh mắt thanh xuân. Những cây liễu bên hồ xanh mướt, lá bay dịu dàng như mái tóc thiếu nữ. Những cây đa cổ thụ xanh tốt và tráng kiện như những lão tướng, hàng rễ rủ như những bộ râu oai hùng. Trong đền Ngọc Sơn có nhiều tiếng chim ríu rít, tiếng hót của chim non, của ước mơ bay bổng.*  *Từng ánh nước của hồ Hoàn Kiếm có biết bao người đã ngắm, từng bóng cây nơi này có biết bao người đã ngồi hóng mát, nghỉ ngơi và thầm nghĩ về cuộc sống của mình ở một góc nhỏ nào trên trái đất này.*  *(Theo Lê Phương Liên)*  *a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?*  *b, Tìm phần mở bài, thần bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.*  *c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?*  *d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?*  **-** GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu của BT2: *Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?*    + GV cho HS thảo luận, tìm ý trả lời theo hướng dẫn.  + GV gọi 1 – 2 HS trình bày ý kiến.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT3: *So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt*  + GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trình bày ý kiến.  + GV gọi 1 – 2 HS trình bày kết quả của nhóm, các nhóm HS khác lắng nghe và nhận xét.  + GV nhận xét, chốt đáp án:   * *Bài Đà Lạt: tả theo trình tự không gian, tả từng bộ phận/ từng vẻ đẹp của phong cảnh.* * *Bài Bốn mùa trong ánh nước: tả theo trình tự thời gian 4 mùa, mỗi mùa hiện ra trong trí nhớ/ kí ức. Mùa yêu thích nhất được nhắc đến sau cùng.*   - GV chiếu phần ghi nhớ lên màn hình:  *Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng,…) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.*  - GV yêu cầu HS đọc kĩ phần ghi nhớ.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc nhiệm vụ BT  - Bài văn tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm.  - Bài văn có 6 đoạn văn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Mở bài* | *Đoạn 1* | *Giới thiệu tên cảnh vật (hồ Hoàn Kiếm) và nhận xét bao quát về cảnh vật (cảnh đẹp, quen thuộc với nhiều người).* | | *Thân bài* | *Đoạn 2, 3, 4, 5* | *Miêu tả đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau.* | | *Kết bài* | *Đoạn 6* | *Khẳng định phong cảnh hồ Hoàn Kiếm đã in sâu trong tâm trí của nhiều người.* |   *c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được miêu tả lần lượt theo các mùa: mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu. Từ ngữ giúp nhận ra thời gian các mùa:*   |  |  | | --- | --- | | *Mùa hè* | *Mùa hè, những cơn mưa rào, đông gió* | | *Mùa đông* | *Mùa đông, cái lạnh bao trùm, màn sương* | | *Mùa xuân* | *Dịp tết Nguyên đán, mưa bay, trẩy hội, chim hót mùa xuân* | | *Mùa thu* | *Mùa thu, mùa thu Hà Nội, ánh nắng mùa thu* |   *d. Tả phong cảnh theo mùa, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được nhiều vẻ đẹp, nhiều đặc điểm của hồ Hoàn Kiếm (theo hành trình cả năm). Theo tác giả, cảnh Hồ Hoàn Kiếm đẹp nhất vào mùa thu nên nhà văn đã tả đặc điểm hồ Hoàn Kiếm vào mùa thu sau cùng.*  - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS theo dõi ghi nhớ.  - HS đọc kĩ ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Giúp HS nhớ được những điều học tập được từ 2 tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh đã học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV có thể khích lệ HS thực hiện 1 trong các yêu cầu sau:  (1) Nêu điều em học tập được từ 2 tiết học tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh.  (2) Nếu viết bài văn tả phong cảnh, em chọn tả phong cảnh gì, phong cảnh đó ở đâu? Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào  - GV dặn dò hs về nhà | - HS có thể phát biểu theo ý kiến của cá nhân.  - HS lắng nghe | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  ………………………………………………………………………………………….. | | |

**TOÁN**

**Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được cách so sánh và so sánh được các số thập phân.

- HS vận dụng được việc nhận biết được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách so sánh và so sánh được các số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách so sánh và so sánh được các số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | | | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó.  + Câu a:  + Câu b:  + Câu 3:  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | | | - HS tham gia trò chơi  + ; đọc là: Hai phẩy tám  + ; đọc là: Bốn phẩy mười hai  + ; đọc là: Không phẩy không trăm linh sáu  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.  + HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.  - Cách tiến hành: | | | | |
| **-** GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-06/18/image_557b5dadd30.png  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-06/18/image_4222e37f6c0.png  - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh ba cây cầu, cho biết những gì thấy được.  + Bạn nữ nói gì?  + Rô – bốt nói gì?    - GV chốt, giới thiệu bài: Vậy, để so sánh hai số thập phân, ta làm như thế nào? Bài học hôm nay, Chúng ta sẽ tìm hiểu cách so sánh các số thập phân “**Bài 11: So sánh các số thập phân**”.  - GV cho HS nêu cách so sánh.  - GV hướng dẫn cho HS nắm cách so sánh.  https://img.loigiaihay.com/picture/2024/0511/2024-05-11-150101.png | | | - HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:  + Cầu Long Biên (Hà Nội) dài 2,29 km.  Cầu An Đông (Ninh Thuận) dài: 3,5 km.  Cầu Cần Thơ (Tây Nam Bộ) dài: 2,75 km.  + Bạn nữ nói “Làm thế nào để biết trong ba cây cầu đó, cây cầu nào dài nhất?”  + Rô – bốt nói: “Ta cần so sánh các số thập phân là số đo chiều dài của các cây cầu”  - HS nghe.  + Đổi độ dài cây cầu về đơn vị m rồi so sanh như số tự nhiên.  - HS lắng nghe. | |
| - GV cho HS nêu lại cách so sánh hai số thập phân.  - GV nhận xét, chốt quy tắc:  **Muốn so sánh hai số thập phân, ta có thể làm như sau:**  **+ Nếu phần nguyên của hai số đó khác nhau thì số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.**  **+ Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn,.... đến một hàng nào đó, số thập phân có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.**  **+ Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số thập phân bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.** | | | - HS nêu  - 3 HS nhắc lại quy tắc | |
| **3. Hoạt động luyện tập**  **-** Mục tiêu:  + HS biết được cách so sánh và so sánh được các số thập phân.  **-** Cách tiến hành: | | | | |
| **Bài 1. So sánh hai số thập phân**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a) 37,29 và 36,92  c) 89,215 và 89,215 | b) 135,74 và 135,75 | c) 89,215 và 89,215 |   - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân.  - GV mời HS báo cáo kết quả và nêu cách làm.  - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..  - HS làm việc cá nhân  a) 37,29 và 36,92  So sánh phần nguyên: 37 > 36 nên 37,29 > 36,92  b) 135,74 và 135,75  So sánh phần nguyên: 135 = 135  So sánh phần thập phân:  + Hàng phần mười: 7 = 7  + Hàng phần trăm: 4 < 5  Vậy 135,74 < 135,75  c) 89,215 và 89,215  So sánh phần nguyên: 89 = 89  So sánh phần thập phân:  + Hàng phần mười: 2 = 2  + Hàng phần trăm: 1 = 1  + Hàng phần nghìn: 5 = 5  Vậy 89,215 = 89, 215  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) | | | |
| **Bài 2**. **Sắp xếp các số 3,604; 2,875, 2,857; 3,106 theo thứ tự từ bé đến lớn.**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.  - Cho HS nêu cách thực hiện.    - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi  - HS làm bài tập cá nhân vào vở.  **2,857; 2,875; 3,106; 3,604**  So sánh phần nguyên: 2 < 3  - So sánh các số: 2,875 và 2,857  + So sánh phần nguyên: 2 = 2  + So sánh phần thập phân:  • Hàng phần mười: 8 = 8  • Hàng phần trăm: 5 < 7  Vậy: 2,857 < 2,875  - So sánh các số: 3,604 và 3,106  + So sánh phần nguyên: 3 = 3  + So sánh phần thập phân:  • Hàng phần mười: 1 < 6  Vậy: 3,106 < 3,604  Vậy sắp xếp các số 3,604; 2,875, 2,857; 3,106 theo thứ tự từ bé đến lớn là:  2,857; 2,875; 3,106; 3,604  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | | | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | | |
| **Bài 4: Chọn câu trả lời đúng.**  **Trong ba chiếc cân như hình dưới đây, có một chiếc cân bị sai. Cân bị sai đó ở hình nào?**  **A. Hình 1**  **B. Hình 2**  **C. Hình 3**  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 11: So sánh các số thập phân (trang 38) | Giải Toán lớp 5  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV cho HS suy nghĩ.  - GV gọi HS trả lời, nêu cách làm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | | - HS lắng nghe trò chơi.  - Các nhóm lắng nghe luật chơi.  - 1 HS đọc yêu cầu.  - Lớp làm việc cá nhân.  - HS trả lời:  Hình 3:  Ta có 2, 75 kg > 2,57 kg nhưng đĩa cân ở bên phải thấp hơn đĩa cân bên trái.  Vậy chiếc cân ở hình 3 sai.  Chọn đáp án C | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: SỰ THAY ĐỔI CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1**. **Năng lực đặc thù:**

- Nhận ra được sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được

lưu giữ.

- Giới thiệu được về sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

**2. Năng lực** **chung:**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất**: Chăm chỉ, trách nhiệm

\* Tích hợp giáo dục cách mạng đạo đức lối sống:

- Giáo dục học sinh biết nhận ra được sự thay đổi của em.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC**

**1. Giáo viên:** Video bài hát Càng lớn càng ngoan; nam châm

**2. Học sinh:** các hình ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm

hiện tại. Giấy, bút, bút màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  - GV tổ chức cho cả lớp vận động theo bài hát ***Càng lớn càng ngoan***, cho HS tại chỗ nhún nhảy hoặc thực hiện các động tác phụ họa cho bài hát.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ: Bạn nhỏ trong bài hát khi lớn lên đã làm được những việc gì?  - GV giới thiệu và dẫn dắt giới thiệu bài học: Sự thay đổi của em | - HS hát và vận động theo lời bài hát  - HS chia sẻ: càng lớn càng ngoan, biết vâng lời bố mẹ, học giỏi, chăm làm  - HS chia sẻ cảm nhận.  HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài học. |
| **B. Khám phá:**  **Hoạt động 1 Cùng chơi đố bạn**  **a) Mục tiêu:**  - HS giới thiệu được về bản thân ở một thời điểm trong quá khứ qua hình ảnh được lưu giữ.  - HS được thể hiện và trải nghiệm các cảm xúc tích cực khi tham gia trò chơi.  **b) Cách tiến hành:** | |
| - GV giới thiệu cả lớp cùng tham gia trò chơi *Đố bạn*.  - GV phổ biến cách chơi  – GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi *Đố bạn*.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc sau khi tham gia trò chơi.  - GV kết luận: Mỗi người đều lớn dần lên theo năm tháng và mỗi thời điểm sẽ có những kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ. Các bức ảnh chụp trong từng thời điểm có thể giúp chúng ta lưu giữ, nhớ đến bản thân trong những khoảnh khắc hoạ kỉ niệm quý giá có liên quan. | - HS ghi nhớ cách chơi:  + HS chơi theo nhóm;  + Từng thành viên trong nhóm lấy ngẫu nhiên một bức ảnh đã chuẩn bị và đố  các bạn biết bức ảnh chụp mình vào thời điểm nào;  + Các bạn trong nhóm cùng đoán thời điểm chụp bức ảnh  + Chủ nhân của bức ảnh sẽ giới thiệu với các bạn về những kỉ niệm khi chụp  bức ảnh đó.  - HS chơi trò chơi  - HS chia sẻ trước lớp |
| **Hoạt động 2: Nhận diện những thay đổi của bản thân**  **a) Mục tiêu:**  HS nhận diện được sự thay đổi của bản thân (về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách,...) ở thời điểm hiện tại so với trước đây.  **b) Cách tiến hành:** | |
| Bước 1: Làm việc cá nhân  GV hướng dẫn HS suy nghĩ và mô tả sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây về:  + Ngoại hình: chiều cao, cân nặng, vóc dáng,...  + Sở thích; Ước mơ; Tính cách  + Năng lực tham gia và tổ chức các hoạt động.  Bước 2: Làm việc nhóm  Bước 3: Làm việc cả lớp  GV mời một số HS mô tả sự thay đổi của bản thân trước lớp và chia sẻ cảm xúc về sự thay đổi của bản thân.  GV kết luận  Mỗi người từ khi sinh ra đến khi trưởng thành đều sẽ có nhiều thay đổi về ngoại hình, sở thích, ước mơ, tính cách và các năng lực. Các em hãy cố gắng rèn luyện để tạo nên những sự thay đổi tích cực cho bản thân.  \* Tích hợp giáo dục cách mạng đạo đức lối sống:  - GV yêu cầu HS nhận ra được một số thay đổi của bản thân em | **HS ghi lại ra giấy những thay đổi của bản thân (trình bày bằng cách liệt kê hoặc bản đồ tư duy)**  - HS chia sẻ bản mô tả sự thay đổi của bản thân với các bạn trong nhóm.  Cả nhóm cùng trao đổi về sự thay đổi của mỗi thành viên.  - HS chia sẻ trước lớp  - Lớp nhận xét, đánh giá    **- HS biết tự nhận ra thay đổi của bản thân** |
| **C. Vận dụng:**  **a) Mục tiêu:**  **- HS vẽ tranh về bản thân hiện tại hoặc mong muốn bản thân trong tương lai**  **- Yêu quý, tự hào về sự trưởng thành của bản thân mình** | |
| **b) Cách tiến hành**  **-** GV tổ chức cho HS thực hành vẽ  - Dặn dò:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Thực hiện giới thiệu về sự thay đổi của bản thân | **HS vẽ tranh về bản thân hiện tại hoặc mong muốn bản thân trong tương lai**  - Lắng nghe, tiếp thu.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Thứ năm ngày 10 tháng 10 năm 2024

**TOÁN**

**Bài 11. SO SÁNH SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.

- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  **So sánh hai số thập phân**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a) 53,29 và 53,92  c) 25,219 và 25,219 | b) 47,74 và 39,75 |  |   - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a) 53,29 < 53,92  b) 47,74 > 39,75  c) 25,219 = 25,219 |  |  |   - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành:**  **-** Mục tiêu:  + HS biết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1. Chọn số thập phân thích hợp với cách đọc số thập phân đó.**  a) Số thập phân bằng nhau  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về số thập phân bằng nhau theo gợi ý a.  Toán lớp 5 trang 40 Bài 1  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nối cho chính xác  **b) Tìm chữ số thích hợp.**  ??  13,7 = 13,7  ??  8,6100 = 8,6  ??  21,4050 = 21,40  - GV hướng dẫn: Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.  - GV mời HS trả lời.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS đọc lại cách tìm số thập phân bằng nhau.    - HS trả lời  13,7 = 13,70  8,6100 = 8,61  21,4050 = 21,405 |
| **Bài 2.**  Toán lớp 5 trang 40 Bài 2**a) Thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của mỗi số sau để phần thập phân của các số đó đều có ba chữ số.**  **b) Bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của mỗi số sau để phần thập phân của các số đó viết dưới dạng gọn hơn (nếu có thể).**  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 11  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV hướng dẫn HS: Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.  - GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.  - Đại diện các nhóm trả lời.  a) 8,900 ;  5,820 ;    0,170 ;   31,600  b) 7,7 ;    13,05;    25,3  ;   10,507  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có). |
| **Bài 3. Số?**  **Ba bạn Mị, Núi, Páo đi kiểm tra sức khỏe. Mỗi bạn có cân nặng là một trong các số đo: 31,9 kg; 32,5 kg; 34,7kg. Biết bạn Núi nặng nhất, bạn Páo nhẹ nhất. Hỏi mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?**  Toán lớp 5 trang 41 Bài 3  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - GV mời HS trả lời.  - GV cho HS nêu cách làm.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.  - HS trình bày.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tên | Mị | Núi | Páo | | Cân nặng (kg) | 32,5 kg | 34,7 kg | 31,9 kg |   Ta có: 31,9 kg < 32,5 kg < 34,7 kg (Phân nguyên có 31 < 32 < 34)  nên Núi 34,7 kg; Páo 31,9 kg; còn lại Mị 32,5 kg  - HS nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận.  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 4. Chọn câu trả lời đúng**  So sánh các số thập phân**Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1,036 và bé hơn 2.**  **Con cá mà chú mèo câu được ghi số nào?**   |  |  | | --- | --- | | **A. 1, 036**  **B. 0,95** | **C. 1,36**  **D. 2,01** |   - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV cho HS suy nghĩ.  - GV gọi HS trả lời, nêu cách làm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Lớp làm việc cá nhân.  - HS trả lời:  Hình 3:  Ta có 1,306 = 1,306  0,95 < 1,306  1,36 > 1,306 và 1,36 < 2  2,01 > 2  Vậy con cá mà chú mèo câu được là con cá có số 1,36.  Chọn đáp án C |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**KHOA HỌC**

**Bài 4. SỰ BIẾN ĐỔI HOÁ HỌC CỦA CHẤT (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

• Về nhận thức khoa học tự nhiên:

- Nêu được sự biến đổi hoá học và các dấu hiệu của sự biến đổi hoá học.

- Trình bày được một số ví dụ đơn giản, gần gũi với cuộc sống về biến đổi hoá học.

• Về tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh:

- Tiến hành được thí nghiệm để nhận ra sự biến đổi hoá học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống; biết cách làm thí nghiệm để chứng minh sự biến đổi hoá học.

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động tìm hiểu và tự trả lời câu hỏi, tự làm thí nghiệm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.

- Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.

- Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:**

- TV, máy tính, bài giảng PPT, bảng nhóm (hoặc giấy khổ to), phiếu nhóm

- Dụng cụ, hoá chất: các mảnh giấy; chày, cối, thìa, gạo, cơm; ba mảnh vỏ trứng gà, nước, giấm, hai cốc thuỷ tinh, khay đựng.

**2. HS:**

- Bút dạ, mỗi em 1 tờ giấy nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:** | |
| - GV nêu nhiệm vụ: Mỗi bạn hãy lấy ra 1 tờ giấy nháp, suy nghĩ, nêu một số cách có thể làm biến đổi một tờ giấy.  GV có thể làm mẫu như xé, gấp giấy.  - GV tổ chức cho HS nêu ý kiến.  - GV hỏi: Trong số những cách em vừa nêu:  + Cách nào làm thay đổi hình dạng của tờ giấy nhưng vẫn còn là giấy?  + Cách nào làm biến đổi tờ giấy mà có hiện tượng khác kèm theo hoặc cách nào làm giấy không còn là giấy?  - GV chốt lại – giới thiệu bài: Có nhiều cách em có thể làm biến đổi tờ giấy nhưng có thể chia các cách biển đổi đó thành hai loại: một loại trong đó dù biến đổi thế nào cũng vẫn là giấy; một loại không còn là giấy nữa, đã biến đổi thành chất khác. Bài học hôm nay chúng ta cùng nghiên cứu sự biến đổi chất này thảnh chất khác, goi là sự biển đổi hoá học.  - GV ghi tên bài – gọi HS nhắc lại tên bài. | - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  - HS nêu: gấp giấy, xé giấy, vò nát giấy, đốt giấy, nhúng nước, ....  - HS chia sẻ:  + Gấp, xé, vò nát giấy thì làm thay đổi hình dạng tờ giấy nhưng vẫn là giấy.  + Khi đốt tờ giấy, có lửa bốc lên, có nhiệt toả ra, khói bốc lên, giấy biến thành tro.  - HS lắng nghe  - Một số HS nối tiếp nhắc lại tên bài. |
| **B. Khám phá:**  **a) Mục tiêu:**  - Nêu được sự biến đổi hoá học và các dấu hiệu của sự biến đổi hoá học.  - Tiến hành được thí nghiệm để nhận ra sự biến đổi hoá học.  **b) Cách thực hiện:** | |
| **Hoạt động 1: Xác định một số biểu hiện biến đổi hoá học của chất**  Bước 1. Làm việc cá nhân  - GV yêu cầu HS đọc nội dung trong mục Con ong, trang 20 SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong mục Quan sát, trang 20 SGK.  *+ Sự biến đổi của đường trong trường hợp nào dưới đây là biến đổi hoá học và trường hợp nào không phải biến đổi hoá học? Vì sao?*  *Trường hợp 1: Hoà tan đường trong nước.*  *Trường hợp 2: Đun nóng đường đến khi đường đổi màu và có mùi khét.*  Bước 2. Làm việc cả lớp  - GV yêu cầu HS trình bày dấu hiệu cho biết trường hợp nào có biến đổi hoá học trong các trường hợp l và 2, trang 20 SGK.  - GV gọi HS nhận xét.  - GV gọi HS nhắc lại cả hai trường hợp.  - GV gọi HS nhắc lại:  + Chất ban đầu sẽ biến thành chất khác khi nào?  + Nêu dấu hiệu của sự biến đổi hoá học?  **Hoạt động 2: Thực hành tìm hiểu về sự biến đổi hoá học**  ***Thí nghiệm 1****.* Tìm hiểu sự biến đổi của gạo  - GV chia nhóm 6 HS, gọi một HS đọc cách tiến hành thí nghiệm và các yêu cầu của thí nghiệm ở trang 21 SGK.  - GV tiến hành nghiền gạo chung rồi chia đủ cho các bộ thí nghiệm (thay vì cho HS tự nghiền).  - GV kiểm tra HS để xác định HS biết rõ việc cần làm, sau đó mới giao các khay thí nghiệm.  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận, làm thí nghiệm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu nhóm.    - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ và nhận xét bổ sung.  - GV hỏi: Trường hợp nào có sự biến đổi hoá học?  ***Thí nghiệm 2.*** Tìm hiểu sự biển đổi của vỏ trứng  - GV chia nhóm 6 HS, gọi một HS đọc cách tiến hành thí nghiệm và các yêu cầu của thí nghiệm ở trang 21 SGK.  - GV kiểm tra HS để xác định HS biết rõ việc cần làm, sau đó mới giao các khay thí nghiệm.  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận, làm thí nghiệm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu nhóm.    - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ và nhận xét bổ sung.  - GV hỏi: Trường hợp nào là sự biến đổi hoá học?  - GV có thể giới thiệu trong thực tế người ta sử dụng trứng ngâm giấm làm thuốc chữa bệnh.  - GV kết luận về sự biến đổi hoá học và dấu hiệu nhận biết.  - Gọi HS đọc lại mục Con ong. | - 2 HS đọc to trước lớp, cả lớp tự đọc thầm.  - HS tự đọc và chuẩn bị câu trả lời  - 2 HS trình bày:  + Trường hợp l không có biến đổi hoá học do đường chỉ hoà tan thành dung dịch, vẫn còn vị ngọt của đường.  + Trường hợp 2 có sự biến đổi hoá học vì có mùi khét, có khói bốc lên, vị đắng.  - HS nhận xét  - 3-4 HS nhắc lại.  - 3-4 HS nhắc lại:  *+ Chất ban đầu sẽ biến đổi thành chất khác khi xảy ra sự biến đổi hoá học.*  *+ Một số dấu hiệu của sự biến đổi hoá học có thể nhận thấy như biến đổi màu sắc, thay đổi mùi, vị, có khí được tạo thành, xuất hiện vẩn đục*,…  - HS về nhóm. 1 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm.  - HS quan sát  - HS nhắc lại nhiệm vụ của nhóm và nhận khay thí nghiệm, nhận phiếu học tập.  - Các nhóm tiến hành thí nghiệm, ghi kết quả vào phiếu.    - Đại diện 1 nhóm chia sẻ. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  - Sự biến đổi hoá học là quá trình gạo thành cơm.  - HS về nhóm. 1 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm.  - HS nhắc lại nhiệm vụ của nhóm và nhận khay thí nghiệm, nhận phiếu học tập.  - Các nhóm tiến hành thí nghiệm, ghi kết quả vào phiếu.    - Đại diện 1 nhóm chia sẻ. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  - Trường hợp 1: vỏ trứng ngâm trong giấm có sự biến đổi hoá học  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - 3-4 HS đọc, lớp đọc thầm. |
| **C. Vận dụng** | |
| - GV đưa ra một số trường hợp, yêu cầu HS nhận biết trường hợp có sự biến đổi hoá học.  Ví dụ: đốt lá khô, đốt củi khô, hoà muối trong nước, …  \* GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  \* GV dặn HS xem và chuẩn bị tiết 2. | - HS chia sẻ trước lớp  đốt lá khô, đốt củi khô  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**LUYỆN TẬP TIẾNG VIỆT**

**TRƯỚC CỔNG TRỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố cách đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực luyện đọc, củng cố cách đọc đúng, đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng tốt vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Luyện đọc tốt trong nhóm, trước lớp.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của thiên nhiên

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, rèn kĩ năng đọc diễn cảm tốt.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A cartoon of animals crossing a river  Description automatically generated  - GV giới thiệu bài đọc:  ***Bức tranh minh hoạ đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Chúng ta sẽ luyện đọc lại bài thơ để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh gửi đến cho người đọc*** | - HS lắng nghe | |
| **2. Luyện đọc**  - GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật) hoặc mời 3 em đọc nối tiếp các khổ thơ (mỗi em đọc 2 khổ). Trước khi đọc, GV nhắc HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.  + Một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: Giọng đọc gợi vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ thơ mở đầu (“Giữa hai bên vách đá/ Mở ra một khoảng trời/ Có gió thoảng, mây trôi/ Cổng trời trên mặt đất?”).  + Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của thiên nhiên vùng núi cao: ngút ngát, ngân nga,…  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc chia thành sáu khổ để luyện đọc.  + Khổ 1: “Giữa hai bên vách đá” đến “Cổng trời trên mặt đất?”  + Khổ 2: “Nhìn ra xa ngút ngát” đến “Đàn dê soi đáy suối”.  + Khổ 3: “Giữa ngút ngàn cây trái” đến “Ráng chiều như hơi khói …”  + Khổ 4: “Những vạt nương màu mật” đến “Suốt triền rừng hoang dã”.  + Khổ 5: “Người Tày từ khắp ngả” đến “Đi tìm măng, hái ấm”.  + Khổ 6: “Vạt áo chàm thấp thoáng”  - GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm (có thể mời 3 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp) | | - HS nghe đọc, nhìn vào sách đọc thầm theo GV để có cảm nhận về hình ảnh, cảnh vật nào thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với mình.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.  - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt). |
| + GV mời HS nêu cảm xúc sau khi đọc bài thơ. | | + Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên. Thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.  - HS nêu cảm xúc. |
| **3. Luyện đọc lại.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:  \* Làm việc cả lớp:  + GV mời đại diện 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.  + GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.  \* Bình chọn nhóm đọc hay nhất  - GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp. | | - HS lắng nghe  + HS nối tiếp đoạn.  + Một số HS đọc diễn cảm trước lớp. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV có thể khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi các em có  nhiều cố gắng hoặc có nhiều đóng góp để tiết  học hiệu quả.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS có thể phát biểu các ý kiến khác nhau.  - HS lắng nghe. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  …....................................................................................................................................  ….................................................................................................................................... | | |

Thứ sáu ngày 11 tháng 10 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG**

**Bài: THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng và trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kĩ năng nói và nghe trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thiên nhiên và yêu quý các loài động vật

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV mở bài hát về động vật để khởi động vào bài học.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS vận động theo bài hát  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động.**  - Mục tiêu:  + Tìm đọc sách báo, câu chuyện về thế giới động vật hoang dã, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.  + Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT 1 theo những yêu cầu sau:  + *Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã* | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. |
| **2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**    **-** GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:  + *Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về thế giới động vật hoang dã em đã chuẩn bị.*  *+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách, khuyến khích HS sáng tạo.*  - GV mời 1 – 2 HS trình bày bài làm của mình, các HS khác theo dõi và nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  **3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.**  - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT3: Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc:  Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:  + Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,…)  + Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo.  - GV tổ chức hoạt động thảo luận cho HS, GV khuyến khích HS nêu câu hỏi và có những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - Hs viết vào phiếu đọc sách theo mẫu  - Hs trình bày phiếu đọc sách  - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng trải nghiệm**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV giao nhiệm vụ cho HS ở BT4: Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.  - GV tổ chức hoạt động cho HS hoạt động theo nhóm đôi, GV gợi ý cho HS:  + Giới thiệu tên loài động vật  + Nêu đặc điểm của chúng  + Nêu thói quen và điểm đặc biệt của chúng  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, các HS khác lắng nghe | - HS đọc nhiệm vụ của BT.  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, phát biểu ý kiến.  - HS chú ý lắng nghe. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | |

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….

**TOÁN**

**Bài 12. VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.

- HS vận dụng được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành:  + GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn”.  + Cách chơi: GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe, suy nghĩ và trả lời ngắn gọn. HS nào trả lời được đúng nhiều câu hỏi hơn, HS đó chiến thắng.  + Em hãy nhắc lại các đại lượng đo độ dài đã học.  + Em hãy nhắc lại các đại lượng đo khối lượng đã học.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá:**  - Mục tiêu:  + Viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân | - HS tham gia trò chơi  + gam, ki – lô - gam, yến, tạ, tấn,..  + mi – li – mét, xăng – ti – mét, đề – xi – mét, mét, ki – lô – mét,...  - HS lắng nghe. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| + HS vận dụng viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân trong một số tình huống thực tế.  - Cách tiến hành: |  | | | |
| - GV chiếu hình ảnh Khởi động cho HS quan sát, đọc  bóng nói và trả lời câu hỏi sau:  https://kenhgiaovien.com/sites/default/files/ck5/2024-06/18/image_14362954f50.png  - GV nêu câu hỏi:  + Bạn nữ nói gì?  + Bạn nam nói gì?  + Để biết con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét, ta làm như thế nào?  + Để biết mỗi hộp sữa nặng bao nhiêu ki – lô – gam, ta phải làm như thế nào?      - GV dẫn dắt HS vào bài học: Bài học hôm nay, cô trò mình sẽ tìm hiểu cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân “Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân”.  **Ví dụ 1:**  **• 2 m 15 cm = ? m**  - GV cho HS nêu cách làm.  - GV hướng dẫn cách ngắn gọn dễ hiểu.  2m ta giữ nguyên    nên      • 1 kg 250 g = ? kg    ***Ví dụ 2:*** | | | | - HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:  + Bạn nữ nói “Con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét để đến được khóm hoa?”  + Bạn nam nói: “Mỗi hộp sữa cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?”  + Để biết con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét, ta cần viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân.  + Để biết mỗi hộp sữa nặng bao nhiêu ki – lô – gam, ta cần viết số đo khối lượng dưới dạng phân số thập phân.  + Chúng ta đổi 2m 15cm = 215cm sau đó đổi 215cm = 2,15 m  - HS nghe.  - HS lắng nghe. |
| - GV cho HS nêu lại cách so sánh hai số thập phân.  - GV nhận xét. | | | | - HS nêu: Dựa vào mối liên hệ giữa đơn vị để viết các số đo dưới dạng hỗn số có chứa phân số thập phân, sau đó viết dưới dạng số thập phân. |
| **3. Luyện tập**  **-** Mục tiêu:  + HS viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.  **-** Cách tiến hành: | | | | |
| **Bài 2. Tìm số thập phân thích hợp.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | a) 3 kg 725 g = ? kg  560 g = ? kg | 8 kg 75 g = ? kg |  | | b) 1 tấn 5 tạ = ? tấn  1 450 kg = ? tấn | 2 tấn 325 kg = ? tấn |  |   - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.  - Cho HS nêu cách thực hiện.  - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi  - HS làm bài tập cá nhân vào vở.  a) 3 kg 725 g = 3,725 kg  8 kg 75 g = 8,075 kg  560 g =  = 0,56 kg  b) 1 tấn 5 tạ = 1,5 tấn  2 tấn 325 kg = 2,235 tấn  1 450 kg = 1,45 tấn  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | | |
| **Bài 3: a) Tìm số thập phân thích hợp.**  **1 km 75 m = Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (trang 42) | Giải Toán lớp 5 km**  **b) Đ, S?**  **Đoạn đường nào dài hơn?**  **• Đoạn đường AB  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (trang 42) | Giải Toán lớp 5**  **• Đoạn đường AC  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (trang 42) | Giải Toán lớp 5**  Toán lớp 5 Kết nối tri thức Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (trang 42) | Giải Toán lớp 5  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.  - GV cho HS suy nghĩ.  - GV gọi HS trả lời, nêu cách làm.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | | | - 1 HS đọc yêu cầu.  - Lớp làm việc cá nhân.  - HS trả lời:  a) 1 km 75 m = 1,075 km  b) Ta có: 1,075 km < 1,2 km. Vậy đoạn đường AB dài hơn.  Ta điền như sau:  • Đoạn đường AB      **Đ**  • Đoạn đường AC       **S** | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**Bài 4. DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam.

- HS nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.

**2. Năng lực chung:**

- NL giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: tập đề xuất một số biện pháp giải quyết hậu quả của gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất chăm chỉ: hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học. Trách nhiệm: có trách nhiệm trong việc hợp tác nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên:** máy tính, ti vi, bài soạn PowerPoint (chiếu tranh ảnh một số dân tộc, hậu quả dân số tăng nhanh ở Việt Nam. Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm, Bản đồ/ Lược đồ mật độ dân số Việt Nam.)

**- Học sinh:** SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:** | |
| **-** GV chiếu tranh, yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung tranh.    - GV giới thiệu: Đây là hình ảnh một số đại biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ II năm 2020.  - Em biết gì về các dân tộc Việt Nam?  - GV nhận xét, kết nối: Việt Nam có rất nhiều các dân tộc cùng sinh sống. Để tìm hiểu thêm về những điều các em vừa chia sẻ, chúng ta cùng đi vào bài học: *Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.*  - GV ghi tên bài học – gọi HS nhắc lại. | **-** HS quan sát, nêu ý kiến: Hình ảnh các dân tộc Việt Nam.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe  - Một số HS nối tiếp nhắc lại tên bài. |
| **B. Khám phá:**  **Mục tiêu:**  - HS nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam.  - HS nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu. | |
| **1. Dân cư**  **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu** về **số dân của Việt Nam**  - GV cho HS làm việc theo cặp để thực hiện câu hỏi của mục “Số dân” trong SGK: Dựa vào bảng 1, em hãy cho biết:  + Năm 2021, Việt Nam có số dân là bao nhiêu nghìn người?  + So sánh số dân của Việt Nam với số dân một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.  - GV mời đại diện HS một số cặp trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời  - GV chuẩn xác kiến thức về quy mô dân số Việt Nam:  *Việt Nam là quốc gia đông dân. Năm 2021, số dân của nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á và thứ 15 trên thế giới.*  **-** GV cho HS nhắc lại kết luận.  **\* Hoạt động 2: Tìm hiểu về gia tăng dân số**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ học tập: Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, 4 trang 21 SGK, em hãy:  + Nhận xét về sự gia tăng dân số của Việt Nam.  + Nêu một số hậu quả do dân số tăng nhanh ở Việt Nam.  - GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - GV chuẩn xác kiến thức về gia tăng dân số và hậu quả của gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam.  *+ Dân số Việt Nam tăng nhanh, trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng 1 triệu người.*  *+ Hậu quả: suy giảm tài nguyên thiên nhiên, gia tăng ô nhiễm môi trường, gây khó khăn trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân (thiếu việc làm, khó khăn trong việc đảm bảo nhà ở, cơ hội giáo dục, chăm sóc y tế,...).*  - GV cho HS nhắc lại kết luận.  - GV cho HS chia sẻ cá nhân:  + Làm thế nào để khắc phục tình trạng gia tăng dân số nhanh?  + Làm thế nào để hạn chế tối đa các hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh?  - Gv chốt lại.  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về phân bố dân cư**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ học tập: Quan sát hình 5 trang 22 SGK và đọc thông tin, em hãy:  + Nhận xét sự khác nhau về mật độ dân số giữa đồng bằng, ven biển và miền núi.  + Cho biết sự phân bố dân cư chưa hợp lí dẫn đến những hậu quả gì?  - Tổ chức cho HS trình bày kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - GV chuẩn xác kiến thức về phân bố dân cư ở Việt Nam:  *+ Dân cư Việt Nam phân bố chưa hợp lí: Dân cư tập trung đông đúc ở đồng bằng và ven biển, miền núi dân cư thưa thớt. Ở thành thị có mật độ dân số cao hơn ở nông thôn.*  *+ Sự phân bố dân cư chưa hợp lí gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động.*  - GV gọi HS nhắc lại kết luận.  - GV cho HS chia sẻ cá nhân:  + Chúng ta có thể làm gì để khắc phục tình trạng dân cư phân bố không đều? (Làm thế nào để dân cư phân bố đều ở các khu vực, địa phương?)  - GV chốt lại. | **-** HS thảo luận theo cặp đôi  + Năm 2021, Việt Nam 98 504 người  + Việt Nam có dân số đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (ít hơn: In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin)  - Đại diện HS một số cặp trình bày kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - HS lắng nghe  - Một số HS nhắc lại.  - HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện HS một số nhóm trình bày kết quả, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - HS lắng nghe  - Một số HS nhắc lại.  - HS xung phong nói theo hiểu biết của mình.  + Tuyên truyền: mỗi gia đình chỉ sinh 2 con là đủ.  + Mọi người cần phải có ý thức bảo vệ môi trường, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, …  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện HS một số nhóm trình bày kết quả, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.  - HS lắng nghe  - Một số HS nhắc lại.  - HS xung phong nói theo hiểu biết của mình.  + Phải quan tâm phát triển kinh tế ở các vùng miền, xây dựng đường giao thông, trường học… để thu hút dân cư đến sinh sống |
| **C. Vận dụng, trải nghiệm:** | |
| - GV cho HS đọc lại các nội dung kết luận.  - Em hãy chia sẻ về sự gia tăng dân số ở địa phương em (làng, xã, huyện) theo hiểu biết của em.  - GV nhận xét, liên hệ địa phương.  - Tuyên dương những HS học tập tích cực.  - Dặn dò HS chuẩn bị nội dung mục 2. | - 2-3 HS đọc lại  - HS tự chia sẻ.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT LỚP: KỊCH ỨNG TÁC *EM CỦA NGÀY HÔM QUA***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tự nhận thấy những ưu khuyết điểm của bản thân trong tuần. Có hướng sửa chữa và phấn đấu cho tuần sau, có ý thức phê, tự phê và xây dựng tập thể tốt

- HS tự tin tham gia đóng kịch ứng tác thể hiện được những thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây

**2. Năng lực chung:**

- NL Tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thiết kế và tổ chức hoạt động.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC**

**1. Giáo viên:** Một số ảnh của học sinh Nhạc kịch

**2. Học sinh:** Đồ dùng phục vụ đóng vai

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Khởi động:**  - Cho HS chơi trò chơi: Bạn là ai?  - Nhận xét, kết nối vào bài. | - HS chơi trò chơi (nhóm 4), mỗi nhóm được phát một số bức ảnh  Sắp xếp các bức ảnh thể hiện sự lớn lên của bản thân bạn |
| **B. Khám phá:**  **a) Mục tiêu:**  -Tự nhận thấy những ưu khuyết điểm của bản thân trong tuần. Có hướng sửa chữa và phấn đấu cho tuần sau, có ý thức phê, tự phê và xây dựng tập thể tốt  - Xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện Phát huy truyền thống trường em. | |
| **b) Cách tiến hành:**  **HĐ1: Sinh hoạt lớp**  **Hoạt động 1:** Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá chung kết quả hoạt động cuối tuần.  - Nhận xét chung  **\* Hoạt động 2:** Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)  **-** GV yêu cầu lớp trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  - Cho HS thảo luận theo tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.  - Cho cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.  **HĐ2: Kịch ứng tác *Em của ngày hôm qua***  - GV phổ biến nội dung hoạt động và giới thiệu về kịch ứng tác. Đây là loại kịch không có sẵn kịch bản, các nhân vật sẽ tự sáng tạo lời thoại và làm chủ diễn biến của vở kịch.  − GV hướng dẫn HS đóng kịch ứng tác theo nhóm  - GV mời HS nhận xét về nội dung vở kịch và khả năng đóng vai của các bạn. GV có thể đặt câu hỏi tương tác với HS như sau:  + Em có cảm nhận gì sau khi xem các bạn đóng kịch?  + Em thích phần kịch ứng tác của nhóm nào nhất? Vì sao? | - Lớp trưởng mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  + Một số nội dung phát sinh trong tuần.  - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời GVCN nhận xét chung.  - Lắng nghe, tiếp thu.  - Thực hiện.  *\* Dự kiến kế hoạch tuần tới*  *+ Thực hiện nền nếp trong tuần.*  *+ Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.*  *+ Thực hiện các hoạt động các phong trào.*  *+ Phát huy các ưu điểm và khác phục các nhược điểm trong tuần.*  - Thực hiện.  -Thực hiện.  - Thực hiện.  - HS lắng nghe  - HS hoạt động nhóm  + Một bạn nói lời dẫn mở màn vở kịch;  + Các bạn trong nhóm sáng tạo nội dung và lời thoại theo diễn biến của vở kịch. GV tổ chức cho HS đóng kịch ứng tác có nội dung về những thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.    - HS chia sẻ |
| **C. Vận dụng:**  - Cho HS tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát. Cho HS chia sẻ cảm xúc sau tiết học.  - Dặn dò HS:  + Khắc phục một số nội dung còn hạn chế. Phát huy những ưu điểm đã đạt.  + Dặn dò HS: viết câu chuyện về bản thân | - Lắng nghe, nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, chia sẻ cảm xúc  - Lắng nghe, ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

……………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………